

TỜ TRÌNH

Dự thảo phương án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2025

Kính trình: - Thường trực Tỉnh uỷ;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

Thực hiện Thông báo số 132-TB/VPTU ngày ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Văn phòng Tỉnh uỷ về ý kiến của Thường trực Tỉnh uỷ tại cuộc họp ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Trên cơ sở kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh, thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Ngân sách nhà nước và tham mưu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, cho ý kiến về phương án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách nhà nước năm 2025. Cụ thể như sau:

I. QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ

Ban Thường vụ Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo¹ Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu và thực hiện Thông báo số 146/TB-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kết luận của Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại cuộc họp Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 21 tháng 4 năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng và hoàn chỉnh phương án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2025.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025²;

¹ Công văn số 1162-CV/ĐU ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Ban Thường vụ Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh uỷ tại cuộc họp ngày 26 tháng 01 năm 2026.

² Điều 61. Xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước

...
“2. Kết thúc năm ngân sách, số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách được sử dụng cho các nội dung sau đây:

- Giảm bội chi, tăng chi trả nợ, bao gồm trả nợ gốc và lãi;
- Bổ sung tăng dự phòng ngân sách trong phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này và tăng quỹ dự trữ tài chính trong phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này;
- Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương;
- Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng;
- Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội;
- Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước³.

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 29/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa X, kỳ họp thứ 2 về phê duyệt dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 của tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa X, kỳ họp thứ 7 về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Đồng Tháp.

III. TÌNH HÌNH TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025: 20.685 tỷ đồng.

2. Thực hiện thu ngân sách năm 2025: 24.474,133 tỷ đồng.

3. Số tăng thu ngân sách địa phương: 3.887,775 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh: 3.593,957 tỷ đồng;

- Ngân sách cấp xã: 293,818 tỷ đồng.

4. Xác định nguồn tăng thu ngân sách cấp tỉnh được sử dụng

a) Nguồn gắn với chi đầu tư phát triển:

- Thu xổ số kiến thiết tăng: 506,692 tỷ đồng;

- Thu tiền sử dụng đất sau điều chỉnh kế hoạch đầu tư công còn lại: 317,437 tỷ đồng⁴.

b) Nguồn tăng thu các khoản còn lại:

Chính phủ quyết định sử dụng số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách trung ương và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội kết quả thực hiện, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất, Ủy ban nhân dân quyết định sử dụng số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách cấp mình và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp kết quả thực hiện, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.”

³ Điều 26. Phân bổ sử dụng nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách

...

“2. Đối với ngân sách địa phương:

Trước ngày 28 tháng 02 hằng năm, cơ quan tài chính địa phương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án sử dụng số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách cấp mình năm trước, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân kết quả thực hiện, báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.”

⁴ Dự báo tình hình thu tiền sử dụng đất năm 2025 không đạt dự toán được giao, ảnh hưởng đến việc bố trí vốn cho các dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh giảm danh mục đầu tư công năm 2025 (nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh) với số tiền là 750 tỷ đồng tại Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 14/11/2025.

Do địa phương điều chỉnh giảm danh mục đầu tư công năm 2025 (nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh) với số tiền là 750 tỷ đồng cao hơn số thực tế nguồn thu tiền sử dụng đất giảm (432,563 tỷ đồng). Vì vậy, nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2025 còn lại được tiếp tục phân bổ sử dụng chi đầu tư phát triển trong năm 2026 là 317,437 tỷ đồng (gồm: 750 tỷ đồng - 432,563 tỷ đồng).

- Tổng số: 3.519,828 tỷ đồng;
- Sau khi loại trừ các khoản có mục tiêu: 3.485,932 tỷ đồng;
- Đã thực hiện trích 70% tạo nguồn cải cách tiền lương: 2.440,153 tỷ đồng;
- Số còn lại được sử dụng: 1.079,675 tỷ đồng.

c) Tổng nguồn tăng thu ngân sách cấp tỉnh được phép phân bổ: 1.903,804 tỷ đồng (gồm: thu tiền sử dụng đất là 317,437 tỷ đồng, nguồn xổ số kiến thiết là 506,692 tỷ đồng, tăng thu các khoản còn lại là 1.079,675 tỷ đồng).

Thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh, địa phương đã bố trí từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025, các khoản thu còn lại năm 2025 và phân bổ sử dụng cho danh mục đầu tư công năm 2026 số tiền là 680 tỷ đồng.

Như vậy, số tiền tăng thu còn lại được tiếp tục phân bổ sử dụng trong năm 2026 theo quy định là **1.223,804 tỷ đồng** (gồm: 1.903,804 tỷ đồng - 680 tỷ đồng).

5. Nguồn dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh năm 2025

Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, các cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ đầu tư tiến hành bàn giao số liệu giữa các đơn vị sáp nhập và tiếp tục thực hiện thanh toán kinh phí trong năm 2025. Sau khi kết thúc thời gian chỉnh lý quyết toán năm 2025, các cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ đầu tư rà soát số liệu hủy dự toán năm 2025, trên cơ sở cơ quan chuyên môn tổng hợp nguồn dự toán chi còn lại năm 2025 (tổng hợp đến ngày 18/5/2026) là **169,745 tỷ đồng**. Cụ thể như sau:

- Kết dư năm 2024 chuyển vào thu ngân sách năm 2025⁵: 83,303 tỷ đồng.
- Các nguồn dự toán còn lại năm 2025⁶: 86,442 tỷ đồng

Như vậy, tổng nguồn tăng thu và nguồn dự toán chi còn lại năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh được tiếp tục phân bổ sử dụng trong năm 2026 theo quy định là **1.393,549 tỷ đồng** (gồm: 1.223,804 tỷ đồng + 169,745 tỷ đồng).

IV. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

Phương án sử dụng nguồn tăng thu và nguồn dự toán chi còn lại của ngân sách cấp tỉnh năm 2025 được xây dựng trên cơ sở:

1. Tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Ngân sách nhà nước;

⁵ Kết dư năm 2024 chuyển vào thu ngân sách năm 2025 là 217,906 tỷ đồng, bao gồm: nguồn xổ số kiến thiết là 25,614 tỷ đồng và nguồn thu tiền sử dụng đất là 0,002 tỷ đồng, thực hiện bố trí chi đầu tư phát triển theo đúng tính chất nguồn theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước khu vực IX tại Kết luận số 136/KTNN-TH ngày 07/8/2025 của về việc Báo cáo Kiểm toán quyết toán ngân sách địa phương năm 2024 của tỉnh Tiền Giang); trích 70% tạo nguồn cải cách tiền lương, tương ứng số tiền là 134,603 tỷ đồng (70% x 192,290 tỷ đồng), số còn lại được phân bổ sử dụng là 57,687 tỷ đồng.

⁶ - Nguồn dự phòng là 44,337 tỷ đồng.

- Nguồn sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề là 42,105 tỷ đồng.

2. Bảo đảm đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định;
3. Ưu tiên bố trí cho các nhiệm vụ chi thực sự cần thiết, cấp bách, có khả năng triển khai ngay;
4. Bảo đảm đúng tính chất nguồn thu (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) và đúng chức năng, nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh;
5. Phù hợp với các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG NGUỒN TĂNG THU VÀ NGUỒN DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Tổng số kinh phí đề xuất: **1.393,549 tỷ đồng**, cụ thể:

1. Chi các nội dung có liên quan đến công tác bảo vệ, phát triển đất trồng lúa từ nguồn thu bảo vệ và phát triển đất trồng lúa là 33,896 tỷ đồng.
2. Bố trí chi đầu tư phát triển là 169,745 tỷ đồng (*vốn tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2025 là 144,129 tỷ đồng và vốn kết dư từ nguồn thu xổ số kiến thiết, sử dụng đất theo kiến nghị Kiểm toán Nhà nước khu vực IX là 25,616 tỷ đồng*) để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng cho 06 dự án trường học biên giới trong năm 2026.
3. Kinh phí duy tu, sửa chữa và lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường do cấp xã quản lý năm 2026 là 413,020 tỷ đồng.

Nguyên tắc thực hiện: Ủy ban nhân dân các xã, phường sẽ lập hồ sơ, thủ tục phân bổ kinh phí theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Bố trí thêm cho chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, với số tiền 776,888 tỷ đồng

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, bố trí tối thiểu 3% chi ngân sách nhà nước cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026, tổng chi cân đối ngân sách tỉnh Đồng Tháp năm 2026 là 34.166,266 tỷ đồng, số kinh phí bố trí 3% chi ngân sách nhà nước cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 tỉnh Đồng Tháp là 1.024,988 tỷ đồng. Tuy nhiên, Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã bố trí chi khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là 248,100 tỷ đồng (*bao gồm: chi đầu tư phát triển là 133,500 tỷ đồng, chi thường xuyên là 114,600 tỷ đồng*), chiếm 0,73%

tổng chi cân đối ngân sách địa phương. Do đó, số còn lại phải tiếp tục bố trí trong năm 2026 là 776,888 tỷ đồng (gồm: 1.024,988 tỷ đồng - 248,100 tỷ đồng).

VI. NỘI DUNG XIN Ý KIẾN

Ban Thường vụ Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, cho ý kiến đối với về phương án sử dụng nguồn tăng thu và nguồn dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh năm 2025 như nêu trên, để làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện.

Kính trình Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, cho ý kiến.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu văn phòng Đảng uỷ (CH).

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Trần Văn Dũng

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 3903 /STC-QLNS

V/v phương án sử dụng nguồn
tăng thu và dự toán chi còn lại
ngân sách cấp tỉnh năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 5 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ Quyết định số 1390/QĐ-TTg ngày 27/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1391/QĐ-TTg ngày 27/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 29/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa X, kỳ họp thứ 2 về phê duyệt dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 của tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa X, kỳ họp thứ 7 về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, trên cơ sở xác định số liệu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2025 đến ngày 30/3/2026, ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 310-TB/TU ngày 08/5/2026 về dự thảo phương án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2025, Sở Tài chính báo cáo số liệu tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách địa phương năm 2025 và phương án sử dụng nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh năm 2025, cụ thể như sau:

I. VỀ NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

1. Dự toán thu ngân sách trên địa bàn năm 2025 là 20.685 tỷ đồng; trong đó:

- a) Thu nội địa là 19.865 tỷ đồng, bao gồm:
- Thu tiền sử dụng đất: 2.550 tỷ đồng;
 - Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 4.150 tỷ đồng;
 - Các khoản thu nội địa còn lại: 13.165 tỷ đồng.

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 820 tỷ đồng.

Dự toán thu ngân sách trên địa bàn được điều tiết các cấp ngân sách như sau:

- Ngân sách Trung ương: 2.440,645 tỷ đồng.
- Ngân sách địa phương: 18.244,355 tỷ đồng, bao gồm:
 - + *Ngân sách cấp tỉnh: 17.545,229 tỷ đồng.*
 - + *Ngân sách cấp xã: 699,126 tỷ đồng.*

2. Thực hiện thu ngân sách trên địa bàn năm 2025 là 24.474,133 tỷ đồng (chưa bao gồm số liệu ghi thu tiền sử dụng đất năm 2025 số tiền nhà đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường giải phóng mặt bằng¹); trong đó:

a) Thu nội địa năm 2025 là 23.475,425 tỷ đồng, đạt 118,17% dự toán năm, bao gồm:

- Thu tiền sử dụng đất: 2.117,437 tỷ đồng, đạt 83,04% so dự toán năm;
- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 4.656,692 tỷ đồng, đạt 112,21% so dự toán năm;
- Các khoản thu nội địa còn lại: 16.701,296 tỷ đồng, đạt 126,86% dự toán năm.

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 998,708 tỷ đồng, đạt 121% dự toán năm.

Với tổng thu ngân sách trên địa bàn nêu trên được điều tiết các cấp ngân sách như sau:

- Ngân sách Trung ương: 2.342,003 tỷ đồng
- Ngân sách địa phương: 22.132,130 tỷ đồng, bao gồm:
 - + *Ngân sách cấp tỉnh: 21.139,186 tỷ đồng;*
 - + *Ngân sách cấp xã: 992,944 tỷ đồng.*

3. Số tăng thu ngân sách của địa phương năm 2025 là 3.887,775 tỷ đồng (22.132,130 tỷ đồng - 18.244,355 tỷ đồng):

- Ngân sách cấp tỉnh: 3.593,957 tỷ đồng (21.139,186 tỷ đồng - 17.545,229 tỷ đồng).

- Ngân sách cấp xã: 293,818 tỷ đồng (992,944 tỷ đồng - 699,126 tỷ đồng).

4. Số thực tế tăng thu ngân sách địa phương năm 2025 được phân bổ sử dụng:

4.1. Đối với ngân sách cấp tỉnh:

Tăng thu ngân sách cấp tỉnh là 3.593,957 tỷ đồng, bao gồm:

- Tăng thu nguồn chi đầu tư phát triển (nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh và xổ số kiến thiết) là 74,129 tỷ đồng;

¹ Số liệu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2025 (bao gồm ghi thu tiền sử dụng đất năm 2025 số tiền nhà đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường giải phóng mặt bằng 780,348 tỷ đồng) là 25.254,481 tỷ đồng

- Tăng thu các nguồn còn lại là 3.519,828 tỷ đồng.

Cụ thể như sau:

a) Tăng thu nguồn chi đầu tư phát triển là 74,129 tỷ đồng, bao gồm:

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: thu tiền sử dụng đất chênh lệch giảm là 432,563 tỷ đồng (2.117,437 tỷ đồng - 2.550 tỷ đồng).

Dự báo tình hình thu tiền sử dụng đất năm 2025 không đạt dự toán được giao, ảnh hưởng đến việc bố trí vốn cho các dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh giảm danh mục đầu tư công năm 2025 (nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh) với số tiền là 750 tỷ đồng tại Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 14/11/2025.

Do địa phương điều chỉnh giảm danh mục đầu tư công năm 2025 (nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh) với số tiền là 750 tỷ đồng cao hơn số thực tế nguồn thu tiền sử dụng đất giảm (432,563 tỷ đồng). Vì vậy, nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2025 còn lại được tiếp tục phân bổ sử dụng chi đầu tư phát triển trong năm 2026 là **317,437 tỷ đồng** (750 tỷ đồng - 432,563 tỷ đồng).

- Số tăng thu tiền xổ số kiến thiết là 506,692 tỷ đồng (4.656,692 tỷ đồng - 4.150 tỷ đồng).

b) Tăng thu các nguồn còn lại là **3.519,828 tỷ đồng**, trong đó:

b.1) Xác định số liệu trích tạo nguồn cải cách tiền lương

Sau khi loại trừ thêm một số khoản thu gắn với nhiệm vụ chi cụ thể như thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải,... với số tiền là 33,896 tỷ đồng, số còn lại là 3.485,932 tỷ đồng, thực hiện trích 70% để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương là 2.440,153 tỷ đồng.

b.2) Xác định số tăng thu còn lại được tiếp tục phân bổ sử dụng

Số tăng thu ngân sách cấp tỉnh còn lại (sau khi loại trừ trích tạo nguồn cải cách tiền lương là 2.440,153 tỷ đồng) được sử dụng là 1.079,675 tỷ đồng (3.519,828 tỷ đồng - 2.440,153 tỷ đồng).

Từ những nội dung phân tích nêu trên, số tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2025 được phân bổ sử dụng là 1.903,804 tỷ đồng (thu tiền sử dụng đất là 317,437 tỷ đồng, nguồn xổ số kiến thiết là 506,692 tỷ đồng, tăng thu các khoản còn lại là 1.079,675 tỷ đồng). Thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh, địa phương đã bố trí từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025, các khoản thu còn lại năm 2025 và phân bổ sử dụng cho danh mục đầu tư công năm 2026 số tiền là 680 tỷ đồng. Như vậy, số tiền tăng thu còn lại được tiếp tục phân bổ sử dụng trong năm 2026 theo quy định là **1.223,804 tỷ đồng** (1.903,804 tỷ đồng - 680 tỷ đồng)

4.2. Đối với ngân sách cấp xã, số tăng thu là 293,818 tỷ đồng:

Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát số thực tế tăng thu ngân sách địa phương được phân bổ sử dụng, lập phương án sử dụng nguồn tăng thu để triển khai thực hiện đúng theo quy định.

(Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)

II. DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2025

Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, các cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ đầu tư tiến hành bàn giao số liệu giữa các đơn vị sáp nhập và tiếp tục thực hiện thanh toán kinh phí trong năm 2025. Sau khi kết thúc thời gian chỉnh lý quyết toán năm 2025, các cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ đầu tư rà soát số liệu hủy dự toán năm 2025, báo cáo về Sở Tài chính. Tuy nhiên, công tác rà soát số liệu sau sáp nhập gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, đến nay còn nhiều cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư chưa báo cáo cụ thể số liệu. Sở Tài chính đang khẩn trương đôn đốc, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương và chủ đầu tư xác định dự toán chi còn lại năm 2025.

Trước mắt, để đảm bảo cân đối nguồn kinh phí đáp ứng nhiệm vụ chi cấp thiết của tỉnh, Sở Tài chính báo cáo một số nguồn kinh phí còn lại (trước đây gọi là tiết kiệm chi) năm 2025 với tổng số tiền là **169,745 tỷ đồng**, cụ thể như sau:

- Kết dư năm 2024 chuyển vào thu ngân sách năm 2025² là 83,303 tỷ đồng,
- Các nguồn dự toán còn lại năm 2025³ là 86,442 tỷ đồng

Đối với các nguồn dự toán chi còn lại năm 2025, sau khi rà soát, hoàn chỉnh số liệu, Sở Tài chính sẽ tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phương án sử dụng.

III. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGUỒN TĂNG THU VÀ DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2025

Căn cứ Thông báo số 1987/TB-VPUBND ngày 27/02/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về Kết luận của Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Sở Tài chính về tình hình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị,

Để tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị bố trí kinh phí thực hiện dự án lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; duy tu, sửa chữa và lắp đặt đèn chiếu sáng các tuyến đường do cấp xã quản lý năm 2026, bố trí chi đầu tư công năm 2026, Sở Tài chính đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phương án sử dụng nguồn tăng thu và dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh năm 2025, với tổng số tiền là **1.393,549 tỷ đồng** (1.223,804 tỷ đồng + 169,745 tỷ đồng), cụ thể như sau:

1. Chi các nội dung có liên quan đến công tác bảo vệ, phát triển đất trồng lúa từ nguồn thu bảo vệ và phát triển đất trồng lúa là 33,896 tỷ đồng.

2. Bố trí chi đầu tư phát triển là 169,745 tỷ đồng (bao gồm: tăng thu nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết là 144,129 tỷ đồng, nguồn thu xổ số kiến thiết, tiền sử dụng đất tồn trong kết dư ngân sách năm 2024 theo kiến nghị Kiểm toán nhà nước là 25,616 tỷ đồng).

² Kết dư năm 2024 chuyển vào thu ngân sách năm 2025 là 217,906 tỷ đồng, bao gồm: nguồn xổ số kiến thiết là 25,614 tỷ đồng và nguồn thu tiền sử dụng đất là 0,002 tỷ đồng, thực hiện bố trí chi đầu tư phát triển theo đúng tính chất nguồn theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước khu vực IX tại Kết luận số 136/KTNN-TH ngày 07/8/2025 của về việc Báo cáo Kiểm toán quyết toán ngân sách địa phương năm 2024 của tỉnh Tiền Giang); trích 70% tạo nguồn cải cách tiền lương, tương ứng số tiền là 134,603 tỷ đồng (70% x 192,290 tỷ đồng), số còn lại được phân bổ sử dụng là 57,687 tỷ đồng.

³ - Nguồn dự phòng là 44,337 tỷ đồng.

- Nguồn sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề là 42,105 tỷ đồng.

3. Kinh phí duy tu, sửa chữa và lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường do cấp xã quản lý năm 2026 là 413,020 tỷ đồng.

Trên cơ sở đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 837/SXD-KCHTXD ngày 27/01/2026 của Sở Xây dựng về việc kết quả phối hợp rà soát, cung cấp thông tin về các tuyến đường bộ, thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân xã, phường và dự kiến nhu cầu kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ năm 2026 (cập nhật) và số liệu chiều dài (km) các tuyến đường do các xã, phường cung cấp, Sở Tài chính rà soát lại phương án phân bổ theo chiều dài (km) các tuyến đường đô thị, đường huyện, đường xã do cấp xã quản lý để làm cơ sở phân bổ kinh phí duy tu, sửa chữa đường và hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường trên địa bàn xã, phường.

Qua tổng hợp số liệu chiều dài các tuyến đường do Ủy ban nhân dân các xã, phường cung cấp (Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu cung cấp, tính chính xác của thông tin và số liệu báo cáo cho Sở Tài chính đảm bảo đúng quy định), Sở Tài chính đề xuất phân bổ kinh phí 413,020 tỷ đồng để duy tu, sửa chữa và lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường do cấp xã quản lý năm 2026 (*Chi tiết theo phụ lục 2 đính kèm*).

Tổ chức thực hiện: Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận bổ sung kinh phí, Ủy ban nhân dân các xã, phường chỉ đạo đơn vị trực thuộc lập hồ sơ, thủ tục phân bổ kinh phí theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Bố trí kinh phí chi khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để đảm bảo bố trí tối thiểu 3% chi ngân sách nhà nước cho chi khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Căn cứ Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp,

Tổng chi cân đối ngân sách tỉnh Đồng Tháp năm 2026 là 34.166,266 tỷ đồng. Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, 3% chi ngân sách nhà nước cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 tỉnh Đồng Tháp là 1.024,988 tỷ đồng. Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã bố trí chi khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là 248,100 tỷ đồng (bao gồm: chi đầu tư phát triển là 133,500 tỷ đồng, chi thường xuyên là 114,600 tỷ đồng), chiếm 0,73% tổng chi cân đối ngân sách địa phương. Do đó, số còn lại phải tiếp tục bố trí trong năm 2026 là 776,888 tỷ đồng (1.024,988 tỷ đồng - 248,100 tỷ đồng).

Từ cơ sở nêu trên, Sở Tài chính đề xuất phân bổ 776,888 tỷ đồng bố trí đảm bảo tối thiểu 3% chi ngân sách nhà nước cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Tổ chức thực hiện: Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương xác định các dự án, đề án, chương trình, nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và dự toán kinh phí tương ứng với các nhiệm vụ chi này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Về trình tự, thủ tục, thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Công văn này thay thế Công văn số 2755/STC-QLNS ngày 13/4/2026 của Sở Tài chính.

(Đính kèm Công văn số 837/SXD-KCHTXD ngày 27/01/2026 của Sở Xây dựng)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở TC;
- Lưu: VT, P.ĐT, TĐ&GSĐT, QLNS (Tuyên), 12b.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Kim Tuyên

THỰC HIỆN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số /STC-QLNS ngày /5/2026 của Sở Tài chính)

Đơn: triệu đồng

Stt	Nội dung thu	Dự toán năm 2025	Thực hiện năm 2025	Chênh lệch tăng	Tỷ lệ % ước TH so với	
					DT năm 2025	TH năm 2024
1	2	3	4		5=4/3	6
A	THEO NGUỒN THU					
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	20.685.000	24.474.133	3.789.133	118,32	113,15
a)	Thu nội địa	19.865.000	23.475.425	3.610.425	118,17	113,00
	Tổng thu nội địa loại trừ thu XSKT và TSD đất	13.165.000	16.701.296	3.536.296	126,86	91,79
1	Thu DN có vốn ĐTNN	2.725.000	4.101.510	1.376.510	150,51	119,21
2	Thu doanh nghiệp NN	885.000	904.406	19.406	102,19	110,63
3	Thu thuế CTN - NQD	2.920.000	5.226.341	2.306.341	178,98	149,47
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.705.000	1.929.194	224.194	113,15	104,75
5	Thu tiền sử dụng đất	2.550.000	2.117.437	-432.563	83,04	82,07
6	Thuế sử dụng đất NN, phi NN	36.200	44.304	8.104	122,39	106,85
7	Thu tiền thuê đất	246.000	810.879	564.879	329,63	204,57
8	Tiền bán nhà ở thuộc SHNN	1.000	2.176	1.176	217,60	96,84
9	Thuế bảo vệ môi trường	2.980.000	1.618.270	-1.361.730	54,30	98,36
10	Lệ phí trước bạ	625.000	704.035	79.035	112,65	101,49
11	Thu phí, lệ phí	315.000	328.490	13.490	104,28	102,16
12	Tiền Khai thác khoáng sản	37.000	105.039	68.039	283,89	186,69
13	Thu tiền sử dụng khu vực biển	2.300	3.298	998	143,39	
14	Thu khác ngân sách	650.000	835.366	185.366	128,52	66,01
15	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	3.500	3.746	246		
16	Thu cổ tức	34.000	84.242	50.242		
15	Thu từ hoạt động XSKT	4.150.000	4.656.692	506.692	112,21	111,49
b)	Thuế xuất nhập khẩu	820.000	998.708	178.708	121,79	116,83
	Điều tiết: - NSTW	2.440.645	2.342.003	-98.642		
	- NS TỈNH	17.545.229	21.139.186	3.593.957		
	- NS XÃ, PHƯỜNG	699.126	992.944	293.818		
			0			

PHỤ LỤC

KINH PHÍ THỰC HIỆN PHÂN BỐ DUY TU, SỬA CHỮA ĐƯỜNG VÀ LẮP ĐẶT HỆ THỐNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG
DO CẤP XÃ QUẢN LÝ THEO PHÂN CẤP

(Kèm theo Công văn số /STC-QLNS ngày /5/2026 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị hành chính	Tổng km đường đô thị, đường huyện, đường xã do cấp xã quản lý	Tổng số tiền phân bổ
A	B	I	2
1	Phường Đạo Thạnh	171,70	9.737.622.100
2	Phường Mỹ Tho	37,20	2.109.723.600
3	Phường Thới Sơn	27,50	1.559.607.500
4	Phường Mỹ Phong	106,80	6.056.948.400
5	Phường Trung An	53,50	3.034.145.500
6	Phường Long Thuận	64,00	3.629.632.000
7	Phường Gò Công	35,30	2.001.968.900
8	Phường Bình Xuân	43,90	2.489.700.700
9	Xã Tân Phước 1	392,50	22.259.852.500
10	Xã Tân Phước 2	146,10	8.285.769.300
11	Xã Hưng Thạnh	207,80	11.784.961.400
12	Xã Tân Phước 3	135,10	7.661.926.300
13	Xã Cái Bè	100,50	5.699.656.500
14	Xã Hậu Mỹ	76,20	4.321.530.600
15	Xã Mỹ Thiện	58,30	3.306.367.900
16	Xã Hội Cư	37,50	2.126.737.500
17	Xã Mỹ Đức Tây	26,80	1.519.908.400
18	Xã Mỹ Lợi	55,90	3.170.256.700
19	Xã Thanh Hưng	53,50	3.034.145.500
20	Xã An Hữu	64,50	3.657.988.500
21	Phường Mỹ Phước Tây	99,80	5.659.957.400
22	Phường Thanh Hòa	50,20	2.846.992.600
23	Phường Cai Lậy	29,70	1.684.376.100
24	Xã Thạnh Phú	42,50	2.410.302.500
25	Xã Mỹ Thành	32,70	1.854.515.100
26	Xã Tân Phú	39,10	2.217.478.300
27	Xã Bình Phú	104,00	5.898.152.000
28	Phường Nhị Quý	68,20	3.867.826.600
29	Xã Hiệp Đức	25,60	1.451.852.800
30	Xã Long Tiên	15,30	867.708.900
31	Xã Ngũ Hiệp	26,10	1.480.209.300
32	Xã Châu Thành	48,50	2.750.580.500
33	Xã Tân Hương	49,50	2.807.293.500
34	Xã Long Hưng	126,50	7.174.194.500
35	Xã Long Định	33,10	1.877.200.300
36	Xã Bình Trưng	45,90	2.603.126.700
37	Xã Vĩnh Kim	29,80	1.690.047.400
38	Xã Kim Sơn	29,00	1.644.677.000
39	Xã Chợ Gạo	84,60	4.797.919.800
40	Xã Mỹ Tịnh An	52,60	2.983.103.800
41	Xã Lương Hòa Lạc	55,30	3.136.228.900
42	Xã Tân Thuận Bình	91,90	5.211.924.700
43	Xã An Thạnh Thủy	77,00	4.366.901.000
44	Xã Bình Ninh	57,00	3.232.641.000
45	Xã Vĩnh Bình	183,40	10.401.164.200
46	Xã Đồng Sơn	51,00	2.892.363.000
47	Xã Phú Thành	29,20	1.656.019.600
48	Xã Vĩnh Hựu	19,90	1.128.588.700
49	Xã Long Bình	85,50	4.848.961.500
50	Xã Tân Thới	26,60	1.508.565.800
51	Xã Tân Phú Đông	44,30	2.512.385.900
52	Xã Tân Hòa	64,80	3.675.002.400

STT	Tên đơn vị hành chính	Tổng km đường đô thị, đường huyện, đường xã do cấp xã quản lý	Tổng số tiền phân bổ
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>
53	Xã Gia Thuận	118,90	6.743.175.700
54	Xã Tân Đông	51,00	2.892.363.000
55	Phường Sơn Qui	39,90	2.262.848.700
56	Xã Tân Điền	28,70	1.627.663.100
57	Xã Gò Công Đông	39,00	2.211.807.000
58	Phường Cao Lãnh	201,80	11.444.683.400
59	Phường Mỹ Ngãi	87,10	4.939.702.300
60	Phường Mỹ Trà	104,30	5.915.165.900
61	Phường Sa Đéc	128,50	7.287.620.500
62	Xã Tân Hồng	111,20	6.306.485.600
63	Xã Tân Hộ Cơ	63,40	3.595.604.200
64	Xã Tân Thành	72,20	4.094.678.600
65	Xã An Phước	46,70	2.648.497.100
66	Phường An Bình	67,70	3.839.470.100
67	Phường Hồng Ngự	81,90	4.644.794.700
68	Xã Thường Phước	49,70	2.818.636.100
69	Phường Thường Lạc	43,40	2.461.344.200
70	Xã Long Khánh	21,70	1.230.672.100
71	Xã Long Phú Thuận	84,90	4.814.933.700
72	Xã Tràm Chim	43,40	2.461.344.200
73	Xã Tam Nông	39,70	2.251.506.100
74	Xã An Hòa	45,50	2.580.441.500
75	Xã Phú Cường	60,90	3.453.821.700
76	Xã An Long	61,80	3.504.863.400
77	Xã Phú Thọ	58,40	3.312.039.200
78	Xã Tháp Mười	120,10	6.811.231.300
79	Xã Phương Thịnh	44,30	2.512.385.900
80	Xã Trường Xuân	76,80	4.355.558.400
81	Xã Mỹ Quý	80,40	4.559.725.200
82	Xã Đốc Bình Kiều	94,90	5.382.063.700
83	Xã Thanh Mỹ	148,60	8.427.551.800
84	Xã Mỹ Thọ	119,60	6.782.874.800
85	Xã Ba Sao	31,80	1.803.473.400
86	Xã Phong Mỹ	77,90	4.417.942.700
87	Xã Mỹ Hiệp	23,10	1.310.070.300
88	Xã Bình Hàng Trung	40,20	2.279.862.600
89	Xã Thanh Bình	90,00	5.104.170.000
90	Xã Tân Long	86,40	4.900.003.200
91	Xã Tân Thạnh	32,70	1.854.515.100
92	Xã Bình Thành	30,30	1.718.403.900
93	Xã Lấp Vò	96,80	5.489.818.400
94	Xã Mỹ An Hưng	50,00	2.835.650.000
95	Xã Tân Khánh Trung	38,80	2.200.464.400
96	Xã Hòa Long	86,00	4.877.318.000
97	Xã Tân Dương	65,20	3.697.687.600
98	Xã Lai Vung	50,30	2.852.663.900
99	Xã Phong Hòa	55,40	3.141.900.200
100	Xã Phú Hựu	118,70	6.731.833.100
101	Xã Tân Nhuận Đông	70,90	4.020.951.700
102	Xã Tân Phú Trung	88,30	5.007.757.900
	Tổng cộng	7.282,400	413.006.751.200

Số: 837 /SXD-KCHTXD

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 01 năm 2026

V/v kết quả phối hợp rà soát, cung cấp thông tin về các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý của UBND xã, phường và dự kiến nhu cầu kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ năm 2026 (cập nhật)

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Văn Dũng tại buổi làm việc về việc vận hành chính quyền địa phương cấp xã và thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 tại Thông báo số 5549/TB-VPUBND ngày 10/11/2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp; Công văn số 7133/VPUBND-ĐTQH ngày 15/12/2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc rà soát kinh phí duy tu, sửa chữa các tuyến đường đô thị, đường huyện, đường xã.

Sở Xây dựng thông tin kết quả phối hợp rà soát như sau:

- Ngày 06/01/2026, Sở Xây dựng đã có Công văn số 42/SXD-KCHTXD về việc kết quả phối hợp rà soát, cung cấp thông tin về các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý của UBND xã, phường và dự kiến nhu cầu kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ năm 2026. Theo đó, Sở Xây dựng đã tổng hợp, đề xuất phương án hỗ trợ kinh phí duy tu thường xuyên đường bộ cho 85/102 xã, phường; còn 17 xã, phường chưa cung cấp số liệu và nhu cầu kinh phí duy tu thường xuyên đường bộ nên chưa tổng hợp, đề xuất gửi Sở Tài chính để tổng hợp theo yêu cầu.

- Đến nay, Sở Xây dựng đã nhận được số liệu và nhu cầu kinh phí duy tu thường xuyên đường bộ năm 2026 của 102 xã, phường. Tuy nhiên, qua rà soát cho thấy các địa phương đều có đề nghị mức kinh phí duy tu bảo dưỡng cho các tuyến đường của địa phương quản lý với mức kinh phí khác nhau và không đồng đều (tổng kinh phí đề nghị của 102 xã, phường là 1.865,09 tỷ đồng, trong đó: địa phương có mức đề nghị thấp nhất là 0,25 tỷ đồng, cao nhất là 183,47 tỷ đồng, trung bình là 18,28 tỷ đồng). *(Kèm theo danh sách tổng hợp)*

- Từ số liệu báo cáo của UBND cấp xã, căn cứ định mức chi phí duy tu bảo dưỡng thường xuyên đường bộ và số liệu về hiện trạng các tuyến đường của địa phương quản lý (số lượng, chiều dài, quy mô và kết cấu mặt đường...), Sở Xây dựng đề nghị Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh cân đối, hỗ trợ kinh phí cho 102 xã phường¹ để thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ trong năm 2026 với các nội dung như sau:

1. Về phương án hỗ trợ: đề xuất 01 trong 02 Phương án² như sau:

+ Phương án 1: Mức kinh phí tối thiểu để cơ bản đảm bảo cho duy tu, bảo dưỡng thường xuyên để đảm bảo tình trạng hoạt động của công trình như hiện trạng

¹ Trong đó: 85 xã phường đã rà soát, đề xuất tại Công văn số 42/SXD-KCHTXD ngày 06/01/2026 của Sở Xây dựng và 17 xã, phường mới tổng hợp sau;

² Phương án này chỉ tạm tính cho chi phí vá ô gà, cọc găm, lún cục bộ, lún trôi mặt đường bằng Bê tông nhựa nguội (dày 4cm) và chỉ tạm tính cho các tuyến đường có kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa và đá dăm nhựa.

đang quản lý, tổng kinh phí cho **102** xã, phường³ có đề nghị với tổng kinh phí là **290,94** tỷ đồng, bình quân mỗi địa phương là **2,852** tỷ đồng (chi tiết ở Phụ lục kèm theo)

+ Phương án 2: ngoài mức kinh phí cơ bản đảm bảo cho duy tu, bảo dưỡng thường xuyên để đảm bảo tình trạng hoạt động của công trình như hiện trạng đang quản lý như đã nêu ở phương án 1, trong trường hợp nguồn lực cho phép, bổ sung thêm kinh phí để thực hiện thêm một số hạng mục phụ trợ để tăng cường đảm bảo ATGT như biển báo, sơn vạch kẻ đường, sửa chữa nhỏ khác⁴ (nhưng không bao gồm sửa chữa vừa và sửa chữa lớn hoặc nâng cấp cải tạo), cho **102** xã, phường⁵ có đề nghị với tổng kinh phí là **436,41** tỷ đồng, bình quân mỗi địa phương là **4,278** tỷ đồng (chi tiết ở Phụ lục kèm theo)

2. Mức kinh phí trên chỉ tạm thời cơ bản đáp ứng nhu cầu để duy trì tình trạng hoạt động bình thường của các tuyến đường bộ do các địa phương quản lý. Cụ thể là các hạng mục bảo dưỡng thường xuyên, dặm vá, khắc phục hư hỏng đối với phần nền và mặt đường bộ; không bao gồm kinh phí cải tạo, nâng cấp công trình; không bao gồm kinh phí cho việc sửa chữa vừa, sửa chữa lớn và sửa chữa đột xuất công trình. Trường hợp trong quá trình rà soát, xét thấy nguồn kinh phí có thể hỗ trợ nhiều hơn, thì căn cứ suất đầu tư cho mỗi Kilomet chiều dài đường, Sở Tài chính xem xét, cân đối để hỗ trợ thêm. Đồng thời nhu cầu kinh phí này Sở Xây dựng đề xuất tạm thực hiện cho năm 2026.

3. Mức kinh phí trên chưa bao gồm kinh phí bảo trì, sửa chữa, vận hành các hạng mục khác trên đường như: hệ thống đèn tín hiệu giao thông, đèn chiếu sáng công cộng (kể cả tiền điện), kinh phí quản lý chăm sóc cây xanh, công viên... (ở các địa phương có tỷ lệ đô thị hóa càng cao thì nhu cầu kinh phí này càng lớn)

Văn bản này thay thế Công văn số 42/SXD-KCHTXD ngày 06/01/2026 của Sở Xây dựng.

Sở Xây dựng kính gửi đến Sở Tài chính để tổng hợp./.

(Đính kèm: Phụ lục tổng hợp nhu cầu kinh phí; Danh sách xã, phường gửi số liệu báo cáo)

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Ban Giám đốc Sở;
- UBND các xã, phường;
- Các phòng: VP Sở; KHTC;
- Lưu : VT, KCHTXD_(đvt).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Cư Trinh

³ Trong đó tính riêng: Tổng kinh phí cho **85** xã, phường đã đề xuất tại Công văn số 42/SXD-KCHTXD ngày 06/01/2026 của Sở Xây dựng là **243,24** tỷ đồng, bình quân mỗi địa phương là **2,861** tỷ đồng; Tổng kinh phí cho **17** xã, phường còn lại là **47,70** tỷ đồng, bình quân mỗi địa phương là **2,861** tỷ đồng;

⁴ Mục điều chỉnh này tăng thêm 50% so với Phương án 1;

⁵ Trong đó tính riêng: Tổng kinh phí cho **85** xã, phường đã đề xuất tại Công văn số 42/SXD-KCHTXD ngày 06/01/2026 của Sở Xây dựng **364,86** tỷ đồng, bình quân mỗi địa phương là **4,292** tỷ đồng; Tổng kinh phí tính riêng cho **17** xã, phường còn lại là **71,55** tỷ đồng, bình quân mỗi địa phương là **4,208** tỷ đồng;